TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Tiên Lãng, ngày 29 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ L số 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa:

N đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 19xx; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn L, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 19xx; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (ngân hàng V); địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2 Tòa nhà S - 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thành C, chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử L nợ - Trung tâm Quản L nợ Ngân hàng bán lẻ 2 - Khối Ngân hàng bán lẻ V, ủy quyền lại cho ông: Đỗ Ngọc D, Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức P, đều là Cán bộ V (Giấy ủy quyền số 94287.21 ngày 08/11/2021 và Giấy ủy quyền số 140865.22 ngày 19/12/2022);

- Ông Phạm Văn K, sinh năm 19xx và bà Lê Thị N, sinh năm 19xx; cùng nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà N: Bà Nguyễn Kim Vân, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Số 10/28/212 Đ, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng;

- Bà Phạm Thị N1, sinh năm 19xx; ông Phạm Văn K, sinh năm 19xx; cùng nơi cư trú: Số 142, Khu 3/2, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 142, Khu 3/2, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 19xx và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; cùng nơi cư trú: Số 142, Khu 3/2, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Phạm Văn V, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Số 142, Khu 3/2, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Ông Bùi Đình K, sinh năm 19xx và bà Đồng Thị T (tên gọi khác: H), sinh năm 19xx; cùng nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Bùi Đình K, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ các điều 212, 213, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Trung Dũng, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Phạm Huyền Trang, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2014. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận: Chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi cả hai con. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn N, cụ thể như sau:

Về tài sản chung: Quyền sử dụng 53,4m^2 đất thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thôn Lãng N, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) số CH 905240 vào sổ cấp GCN số CH 01812, ngày 31/7/2017 cho chủ sử dụng là ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị P và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; giá trị quán bán hàng. Tổng giá trị tài sản chung là 1.694.051.624 đồng.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng V tính đến ngày 19/5/2023 là 403.256.298 đồng (trong đó nợ gốc là: 334.563.881 đồng, lãi trong hạn là: 28.152.793 đồng, lãi quá hạn là: 40.539.624 đồng). Chị P đã thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho ngân hàng V. Ngân hàng V đã giải chấp trả lại GCN số CH 905240 cho chị Phạm Thị P.

- Nợ ông Phạm Văn K, bà Phạm Thị N1 tính đến ngày 19/5/2023 là 493.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi).

- Nợ anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị L tính đến ngày 19/5/2023 là 133.000.000 đồng (gồm cả gốc và lãi).

- Nợ bà Lê Thị H tính đến ngày 19/5/2023 là 61.200.000 đồng (gồm cả gốc và lãi);

- Nợ chị Phạm Thị T tính đến ngày 19/5/2023 là 154.800.000 đồng (gồm cả gốc và lãi);

- Nợ ông Phạm Văn N 20.000.000 đồng;

- Nợ bà Lê Thị D 30.000.000 đồng;

- Nợ ông Bùi Đình K tính đến ngày 19/5/2023 là 140.160.000 đồng (gồm cả gốc và lãi);

- Nợ ông Phạm Văn K, bà Lê Thị N 200.000.000 đồng.

Tổng số nợ chung của chị P, anh N là 1.636.016.298 đồng. Chị P đã trả nợ V 403.256.298 đồng là tiền riêng của chị P.

Khi ly hôn, chị P được quyền sử dụng 53,4m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 160, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: Thôn Lãng N1, xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; giá trị quán bán hàng; tổng giá trị là 1.694.051.624 đồng. Chị P có trách nhiệm trả các khoản nợ cho: V; ông K, bà N1; anh V, chị L; bà Hạnh; chị T; ông Nam; bà D; ông K, tổng số tiền là 1.436.016.298 đồng và trả anh N là 350.000.000 đồng. Chị P đã trả anh N 95.800.000 đồng nên còn phải trả anh N số tiền là 254.200.000 đồng. Anh N có trách nhiệm trả nợ cho ông K, bà N số tiền là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của V; ông Phạm Văn K và bà Lê Thị N; bà

Phạm Thị N1; anh Phạm Văn V; chị Phạm Thị T; bà Lê Thị D; ông Phạm Văn N; ông Bùi Đình K; bà Lê Thị H.

Ông K, bà N; bà N1; anh V; chị T; bà H; ông Nngân; ông K; bà D có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu của mình theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị P nhận chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị P, anh N không phải chịu án phí chia tài sản chung. Chị P đã nộp 17.550.000 (Mười bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006399 ngày 30 tháng 11 năm 2022. Trả lại chị P 17.400.000 (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Trả lại ngân hàng V 9.200.000 (Chín triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006410 ngày 03 tháng 01 năm 2023.

- Trả lại chị Phạm Thị T 3.800.000 (Ba triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006453 ngày 04 tháng 4 năm 2023.

- Trả lại anh Phạm Văn V 3.250.000 (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006451 ngày 04 tháng 4 năm 2023.

- Trả lại bà Lê Thị H 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006455 ngày 04 tháng 4 năm 2023.

- Trả lại ông Phạm Văn N 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006452 ngày 04 tháng 4 năm 2023.

- Trả lại bà Lê Thị D 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0006454 ngày 04 tháng 4 năm 2023.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2007);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Huyền Trang